

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 282 / TMS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX**

Mã chứng khoán: TMS

Địa chỉ trụ sở chính: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, P.Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84-8 2220 2888

Fax: 84-8 2220 2889

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Thu Huế

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, P.Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): 84-8 2220 2888

Fax: 84-8 2220 2889

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo quản trị Công ty 6 tháng năm 2020 (chi tiết như đính kèm).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/7/2020 tại đường dẫn: www.transimex.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo quản trị Công ty 6 tháng năm 2020

Người được ủy quyền công bố thông tin


Nguyễn Thị Thu Huế

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 02/BC-HĐQT-TMS-2020
No.: 02/BC-HĐQT-TMS-2020

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2020
HCMC, July 20, 2020

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY
(6 tháng đầu Năm 2020)
(the first half Year 2020)**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange

- Tên Công ty niêm yết / Name of listing company:
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX / TRANSIMEX CORPORATION
- Địa chỉ trụ sở chính / Address of headoffice: 172 (lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam / 9th-10th Floor, No.172 Hai Ba Trung St., Dakao Ward, Dist. 1, HCMC, VN
- Điện thoại / Telephone: (84-28) 2220.2888 Fax: (84-28) 2220 2889
Email: info@transimex.com.vn
- Vốn điều lệ / Charter capital: 631.104.100.000 đồng (Sáu trăm ba mươi một tỷ một trăm lẻ bốn triệu một trăm ngàn đồng)
- Mã chứng khoán / Securities code: TMS

I. Hoạt động của Đại hội đồng Cổ đông / Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) (bao gồm cả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) / Information on meetings and resolutions/decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision	Ngày Date	Nội dung Content
01	01/2020/NQ.ĐHĐCĐ-TMS	09/06/2020	1. Thông qua Báo cáo của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020. 2. Thông qua Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát năm 2020. 3. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ tài chính 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision</i>	Ngày Date	Nội dung <i>Content</i>
			4. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho niên độ tài chính 2020. 5. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020. 6. Thông qua Tờ trình phát hành trái phiếu chuyển đổi. 7. Thông qua Tờ trình về việc tiếp tục thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và điều chỉnh một số điểm trong phương án chào bán. 8. Thông qua Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ dự phòng cho trường hợp tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài vượt giới hạn tối đa 49%, có thể phát sinh trong quá trình chuyển đổi đợt 2 trái phiếu TMSCB2017 vào tháng 6/2020. 9. Thông qua Tờ trình về việc không tiếp tục triển khai phương án phát hành trái phiếu tron. 10. Thông qua Tờ trình bổ sung ngành, nghề trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. 11. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. 12. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

II. Hội đồng quản trị / Board of Management:

1. Thông tin về thành viên HĐQT / Information about the members of the Board of Management

- ĐHĐCĐ ngày 20/04/2018 đã bầu HĐQT nhiệm kỳ 5 (2018-2023) gồm 7 thành viên, HĐQT đã bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT.
- Ông Vũ Cường – Thành viên HĐQT từ nhiệm và ngày 27/04/2019, ĐHĐCĐ đã bầu bổ sung ông Charvanin Bunditkitsada làm thành viên HĐQT.
- Danh sách các Thành viên HĐQT như sau:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOM's member	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu là TV HĐQT/ Day becoming member of the Board of Management	Ngày không còn là TV HĐQT/ Day no longer member of the Board of Management	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1.	Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	18/03/2006		06	06/06	
2.	Lê Duy Hiệp	Phó CT HĐQT	23/03/2009		06	06/06	
3.	Vũ Chính	TV HĐQT	23/03/2009		06	06/06	
4.	Bùi Minh Tuấn	TV HĐQT	26/04/2013		06	06/06	

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOM's member	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu là TV HĐQT/ Day becoming member of the Board of Management	Ngày không còn là TV HĐQT/ Day no longer member of the Board of Management	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
5.	Nguyễn Bích Lân	TV HĐQT	20/04/2018		06	06/06	
6.	Masafumi Inoue	TV HĐQT	20/04/2018		06	06/06	Họp trực tuyến và ủy quyền cho ông Bùi Tuấn Ngọc ký tên trên Biên bản họp do dịch Covid -19
7.	Charvanin Bunditkitsada	TV HĐQT	27/04/2019		06	06/06	Họp trực tuyến và ủy quyền cho ông Bùi Tuấn Ngọc ký tên trên Biên bản họp do dịch Covid -19

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc (TGD) / Supervision by the BOD over the Director (General Director)

- Các nghị quyết của HĐQT đều được HĐQT ủy nhiệm cho Ban TGD Công ty triển khai thực hiện và báo cáo HĐQT.
- Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban hàng tuần của Công ty, luôn giám sát và chỉ đạo kịp thời các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020.
- Tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro trong Công ty.
- HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 6 tháng đầu năm 2020 của Ban TGD như sau:
 - Ban TGD đã điều hành Công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020, thực hiện tốt và đầy đủ Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ. Uy tín và vị thế của Công ty ngày càng được nâng cao và được nhiều tổ chức tài chính trong và ngoài nước đánh giá cao.
 - Ban TGD đã điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện theo quy chế quản trị nội bộ, theo đúng điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 - Triển khai thực hiện các dự án xây dựng theo đúng quy trình, quy định, theo Nghị quyết HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
 - Thực hiện công bố thông tin nghiêm túc và đúng quy định.
 - Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước.
 - Công tác đào tạo được chú trọng, nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của Cán bộ Nhân viên trong Công ty.

- Công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, bảo đảm cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển kinh doanh.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT / Activities of the Board of Directors' committees
HĐQT đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình trong phạm vi và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT / Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Annual Reports)

Stt No.	Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision	Ngày Date	Nội dung Content
01	19/NQHĐQT NK5-TMS	07/01/2020	1. Thông qua chủ trương đầu tư dự án cảng cạn tại miền Bắc. HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành lập phương án chi tiết trình HĐQT. 2. Thông qua chủ trương tham gia góp vốn đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long để đầu tư dự án Trung tâm Logistics mới tại miền Bắc. HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết hoàn thành việc góp vốn. 3. Thông qua việc đầu tư mua 1.000.000 cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink. Giao TGD Công ty triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật. 4. Thông qua việc thay đổi địa điểm hoạt động của Chi nhánh Transimex tại Hải Phòng. 5. Bổ nhiệm Phó TGD Công ty CP Transimex.
02	20/NQHĐQT NK5-TMS	17/02/2020	1. Thông qua việc triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến nghiệp vụ tài sản của một trong các Công ty thành viên 100% vốn của Transimex bao gồm việc thành lập pháp nhân theo loại hình Công ty TNHH MTV để thực hiện giao dịch. HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT chỉ đạo thực hiện các nội dung đã được HĐQT thông qua. 2. Thông qua Tờ trình vay vốn lưu động tại các Ngân hàng. HĐQT ủy quyền cho TGD tổ chức thực hiện các nội dung đã được HĐQT thông qua và thực hiện thủ tục để ký kết thỏa thuận, hợp đồng và các văn bản có liên quan với các ngân hàng phù hợp quy định pháp luật.
03	21/NQHĐQT NK5-TMS	04/03/2020	1. Thông qua việc vay vốn lưu động của tổ chức tài chính. HĐQT ủy quyền cho TGD tổ chức thực hiện phương án đã được HĐQT thông qua và thực hiện thủ tục để ký kết thỏa thuận, hợp đồng và các văn bản có liên quan với các ngân hàng, tổ chức tài chính phù hợp quy định pháp luật. 2. Thông qua phương án đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Công ty CP Giao nhận Vận tải Miền Trung. HĐQT giao TGD triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật. 3. Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ TN 2020 của Công ty CP Transimex và ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ. 4. Thông qua vấn đề vay vốn Ryobi Holding Co., LTD.

Stt No.	Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
04	22/NQHĐQT NK5-TMS	08/04/2020	Thông qua việc gia hạn tổ chức ĐHCĐ TN 2020 của Công ty CP Transimex.
05	23/NQHĐQT NK5-TMS	04/05/2020	1. Thông qua phương án chuyển đổi đợt 2 trái phiếu TMSCB2017. 2. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Transimex Hi-tech Park Logistics. 3. Thông qua phương án vay vốn ngắn hạn và việc bảo lãnh Công ty TNHH MTV Transimex Hi-tech Park Logistics vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng.
06	24/NQHĐQT NK5-TMS	28/05/2020	1. Thông qua Báo cáo của TGD tổng kết hoạt động kinh doanh dịch vụ năm 2019 và kế hoạch năm 2020. 2. Thông qua việc tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng). 3. Thông qua quỹ lương thực hiện năm 2019 và ngân sách lương năm 2020. 4. Thông qua việc thay đổi địa điểm hoạt động của Chi nhánh Transimex tại Đà Nẵng. 5. Thông qua các nội dung trình ĐHCĐ TN 2020.

III. Ban kiểm soát / *Supervisory Board*

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát / *Information about members of Supervisory Board*

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Supervisory Board</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu là thành viên BKS <i>Day becoming member of the Supervisory Board</i>	Ngày không còn là thành viên BKS <i>Day no longer member of the Supervisory Board</i>	Số buổi họp BKS tham dự <i>Number of attendance</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Percentage</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1.	Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	22/04/2017		01	01/01	
2.	Nguyễn Kim Hậu	TV BKS	26/04/2013		01	01/01	
3.	Phan Phương Tuyền	TV BKS	20/04/2018		01	01/01	

2. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban TGD điều hành và Cổ đông / *Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders*

- Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra, rà soát chi tiết hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và quy định của pháp luật trong các quyết định của HĐQT và Ban điều hành Công ty.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- Xem xét các báo cáo tài chính quý, bán niên và thường niên của Công ty.
- Kiểm soát công tác phát hành cổ phiếu, trái phiếu huy động vốn của Công ty.

- Kiểm tra và đánh giá tình hình đầu tư các dự án, đầu tư tại các Công ty liên doanh, liên kết, các Công ty có góp vốn đầu tư dài hạn để kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.
- 3. **Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD điều hành và các cán bộ quản lý khác / *The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers***
 - Ban kiểm soát đã được mời và cử đại diện tham gia đầy đủ vào các cuộc họp HĐQT trong năm cũng như được đóng góp ý kiến về tình hình kinh doanh cũng như các định hướng phát triển của Công ty.
 - Ban kiểm soát cũng thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty với Ban điều hành
- 4. **Hoạt động khác của Ban kiểm soát (nếu có) / *Other activities of the Supervisory Board (if any)***: Không có.

IV. Đào tạo về quản trị Công ty / *Training on corporate governance*

Các khóa đào tạo về quản trị Công ty mà các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Ban TGD, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty / *Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:*

Tham gia chương trình đào tạo quản trị Công ty cho các Công ty cổ phần đại chúng do Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức.

Tham gia các hội thảo chuyên đề quản trị nội bộ do TGD điều hành, Phòng Hành chính Nhân sự, Phòng Quản trị - Đầu tư và Kiểm soát nội bộ phối hợp tổ chức.

V. Danh sách về người có liên quan của Công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty / *List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (annual reports) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company*

1. **Danh sách về người có liên quan của Công ty / *List of affiliated persons of the Company***:
Danh sách đính kèm – DS V.1
2. **Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với Cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ / *Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person***: Không có
3. **Giao dịch giữa người nội bộ Công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát / *Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power***: Không có
4. **Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác / *Transactions between the company and other objects***
 - 4.1. **Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (TGD) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo) / *Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting)***: Không có
 - 4.2. **Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (TGD) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD) điều hành / *Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO)***

as a member of Board of Management, Director (CEO): Không có

- 4.3. Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (TGD) điều hành / *Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO):* Không có

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm) / *Transactions of internal persons and related person of internal person (annual reports)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ / *List of internal persons and their affiliated persons: **Danh sách đính kèm – DS VI.1***
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết / *Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company: **Danh sách đính kèm – DS VI.2***

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác / *Other significant issues:* Không có

**CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOD**

(Ký tên và đóng dấu)

(Sign and seal)



Bùi Tuấn Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY
(Đính kèm theo Báo cáo Tình hình QTCT số 02/BC-HĐQT-TMS-2020)
DS.V.1

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Tài khoản GDCK	Chức vụ/ quan hệ	CMND/ Passport/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan
				Số ĐKKD					
1	Bùi Tuấn Ngọc		CT HĐQT					29/03/2008	
1.1	Phùng Thị Quỳnh Yến		Mẹ					29/03/2008	
1.2	Nguyễn Thanh Huyền		Vợ					29/03/2008	
1.3	Bùi Trần Yến Châu		Con					29/03/2008	
1.4	Bùi Ngọc Thạch		Con					29/03/2008	
1.5	Bùi Minh Tuấn		Em trai					29/03/2008	
1.6	Hoàng Thị Mỹ Quyên		Em dâu					29/03/2008	
1.7	Công ty CP Đầu tư Vina		CT HĐQT					29/03/2008	
1.8	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải		Giám đốc					29/03/2008	
1.9	Công ty CP Đầu tư Toàn Việt		CT HĐQT					2009	
1.10	Công ty CP Vinafreight		PCT HĐQT					05/2012	
1.11	Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)		PCT HĐQT					07/2016	
2	Vũ Chính		TV HĐQT					23/03/2009	
2.1	Châu Văn Anh		Vợ					23/03/2009	
2.2	Vũ Nhật Anh		Con					23/03/2009	
2.3	Vũ Anh Hà My		Con					23/03/2009	
2.4	Vũ Huy		Anh					23/03/2009	
2.5	Vũ Trường		Anh					23/03/2009	
2.6	Vũ Thị Ninh		Em					23/03/2009	
2.7	Vũ Tinh		Em					23/03/2009	
2.8	Vũ Thị Dung		Em					23/03/2009	
2.9	Công ty CP Xuất Nhập khẩu Haneco		CT HĐQT					23/03/2009	
3	Lê Duy Hiệp		PCT HĐQT					15/05/2009	
3.1	Đỗ Duy Liên		Mẹ					15/05/2009	
3.2	Đỗ Thị Việt Hoa		Vợ					15/05/2009	
3.3	Lê Duy Nguyệt Linh		Con					15/05/2009	
3.4	Lê Duy Nhật Khôi		Con					15/05/2009	
3.5	Lê Thái Hỷ		Anh					15/05/2009	
3.6	Lê Thị Liên Hoan		Chị					15/05/2009	
3.7	Công ty CP Hàng Hải MACS		CT HĐQT					15/05/2009	
3.8	Công ty CP Vinafreight		TV HĐQT					05/2012	
3.9	Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)		TV HĐQT					07/2016	
4	Bùi Minh Tuấn		TV HĐQT					26/04/2013	
4.1	Phùng Thị Quỳnh Yến		Mẹ					26/04/2013	

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Tài khoản GDCK	Chức vụ/ quan hệ	CMND/ Passport/ CCCD Số ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan
4.2	Hoàng Thị Mỹ Quyên		Vợ					26/04/2013	
4.3	Bùi Hoàng Tuấn Khang		Con					26/04/2013	
4.4	Bùi Tuấn Ngọc		Anh trai					26/04/2013	
4.5	Nguyễn Thanh Huyền		Chị dâu					26/04/2013	
4.6	Công ty CP Đầu tư Vina		Giám đốc					26/04/2013	
4.7	Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)		TV HĐQT					07/2016	
4.8	Công ty CP In và Thương mại Vina		TV HĐQT					05/2017	
4.9	Công ty CP Thương mại Phú Nhuận		TV HĐQT					04/2018	
5	Nguyễn Bích Lân		TV HĐQT					20/04/2018	
5.1	Lê Thị Ngọc Thù		Vợ					20/04/2018	
5.2	Nguyễn Lê Bích Khuê		Con					20/04/2018	
5.3	Nguyễn Lê Bích Khôi		Con					20/04/2018	
5.4	Nguyễn Bích Quang		Anh					20/04/2018	
5.5	Nguyễn Bích Huy		Anh					20/04/2018	
5.6	Nguyễn Bích Văn		Em					20/04/2018	
5.7	Võ Thị Tuyết Vân		Chị dâu					20/04/2018	
5.8	Công ty CP Vinafreight		CT HĐQT kiêm TGĐ					26/04/2013	
5.9	Công ty CP Giao nhận Vận tải Miền Trung		CT HĐQT					26/04/2013	
5.10	Công ty CP Cảng MIPEC		TV HĐQT					2018	
5.11	Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương		TV HĐQT					05/2018	
6	Masafumi Inoue		TV HĐQT					20/04/2018	
6.1	Masanori Inoue		Cha					20/04/2018	
6.2	Seiko Inoue		Mẹ					20/04/2018	
6.3	Mie Inoue		Vợ					20/04/2018	
6.4	Bunta Inoue		Con					20/04/2018	
6.5	Takashi Inoue		Anh					20/04/2018	
6.6	Sumio Sugioka		Cha vợ					20/04/2018	
6.7	Sachiko Sugioka		Mẹ vợ					20/04/2018	
6.8	Takako Machi		Chị vợ					20/04/2018	
6.9	Seiichi Sugioka		Em vợ					20/04/2018	
6.10	Global Business Department and Management Strategy Department of Ryobi Transport Company, Ryobi Holdings Co., Ltd.		Phó Chủ tịch					20/04/2018	
6.11	Ryobi Transport Co., Ltd		Ban cán sự điều hành					20/04/2018	
7	Charvanin Bunditkitsada		TV HĐQT					27/04/2019	
7.1	Pimolthip Bunditkitsada		Mẹ					27/04/2019	

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Tài khoản GDCK	Chức vụ/ quan hệ	CMND/ Passport/ CCCD Số ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan
7.2	Saowanee Apiwanopat		Vợ					27/04/2019	
7.3	Thicharpat Bunditkitsada		Con gái					27/04/2019	
7.4	Watcharanont Bunditkitsada		Con					27/04/2019	
7.5	Amrapharn Bunditkitsada		Chị					27/04/2019	
7.6	Panada Bunditkitsada		Chị					27/04/2019	
7.7	Anusorn Apiwan-opat		Cha vợ					27/04/2019	
7.8	Vipa Apiwan-opat		Mẹ vợ					27/04/2019	
7.9	Hazardous Substances Logistics Association (HASLA), Bangkok, Thailand		TV BGĐ					27/04/2019	
7.10	JWD Infologistics Public Company Limited, Bangkok, Thailand		Giám đốc điều hành					27/04/2019	
7.11	JWD Asia Holding Private Company		Giám đốc điều hành và TV HĐQT					27/04/2019	
7.12	Công ty Cổ Phần Prosper Logistics		Đại diện theo ủy quyền					27/04/2019	
8	Lê Thị Ngọc Anh		Trưởng BKS					22/04/2017	
8.1	Lê Văn Mười		Cha					22/04/2017	
8.2	Phạm Thị Liễu		Mẹ					22/04/2017	
8.3	Thái Ngọc Anh Phương		Con					22/04/2017	
8.4	Thái Ngọc Anh Vũ		Con					22/04/2017	
8.5	Lê Văn Nhi		Anh ruột					22/04/2017	
8.6	Lê Thị Ngọc Ánh		Em ruột					22/04/2017	
8.7	Lê Thị Bạch Tuyết		Em ruột					22/04/2017	
8.8	Lê Văn Lộc		Em ruột					22/04/2017	
8.9	Nguyễn Thị Lợi		Chị dâu					22/04/2017	
8.10	Huỳnh Anh Tuấn		Em rể					22/04/2017	
8.11	Công ty CP Vinafreight		Kế toán trưởng					22/04/2017	
8.12	Công ty CP Logistics Vinalink		TV BKS					2019	
9	Nguyễn Kim Hậu		TV BKS					26/04/2013	
9.1	Nguyễn Trung Nghĩa		Cha					26/04/2013	
9.2	Đỗ Thị Kim Loan		Mẹ					26/04/2013	
9.3	Lê Quốc Thịnh		Chồng					26/04/2013	
9.4	Lê Kim Thư		Con					26/04/2013	
9.5	Lê Nguyễn Tuệ Minh		Con					26/04/2013	
9.6	Nguyễn Thị Kim Phụng		Chị					26/04/2013	
9.7	Nguyễn Trọng Nghĩa		Anh rể					26/04/2013	
9.8	Nguyễn Trung Nhân		Anh					26/04/2013	
9.9	Nguyễn Thị Thúy Hằng		Chị dâu					26/04/2013	
9.10	Nguyễn Kim Tuyền		Em					26/04/2013	
9.11	Hồ Quốc Cường		Em rể					26/04/2013	

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Tài khoản GDCK	Chức vụ/ quan hệ	CMND/ Passport/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan
				Số ĐKKD					
9.12	Nguyễn Trọng Đức		Em					26/04/2013	
9.13	Công ty CP Thủy Đặc sản		TV BKS					04/2013	
9.14	Công ty CP Đầu Tư Vina		Kế toán trưởng					26/04/2013	
9.15	Công ty CP In và Thương mại Vina		Kế toán trưởng					07/2016	
9.16	Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà		TV HĐQT					29/06/2020	
10	Phan Phương Tuyền		TV BKS					20/04/2018	
10.1	Trang Hoàng Trung		Chồng					20/04/2018	
10.2	Trang Hoàng Long		Con					20/04/2018	
10.3	Trang Hoàng Phúc		Con					20/04/2018	
10.4	Phan Ngọc Vân		Chị ruột					20/04/2018	
10.5	Phan Thị Ngọc Phượng		Chị ruột					20/04/2018	
10.6	Phan Phi Phong		Anh ruột					20/04/2018	
10.7	Phan Hùng Phương		Anh ruột					20/04/2018	
10.8	Công ty KONOIKE VINA		Kế toán trưởng					20/04/2018	
10.9	Công ty CP Vinafreight		TV BKS					20/04/2018	
10.10	Công ty CP Logistics Vinalink		Trưởng BKS					20/04/2018	
11	Nguyễn Chí Đức		Phó TGĐ					01/07/2008	
11.1	Nguyễn Thị Lập		Mẹ					01/07/2008	
11.2	Dương Minh Nguyệt Tú		Vợ					01/07/2008	
11.3	Nguyễn Thành Long		Con					01/07/2008	
11.4	Nguyễn Thành Khang		Con					01/07/2008	
11.5	Nguyễn Ngọc Phụng Tiên		Con					01/07/2008	
11.6	Nguyễn Thị Bích Hương		Chị					01/07/2008	
11.7	Nguyễn Chí Hiếu		Em					01/07/2008	
11.8	Nguyễn Chí Trung		Em					01/07/2008	
11.9	Công ty CP Vận tải Transimex		CT HĐQT					26/12/2008	
12	Nguyễn Hồng Sơn		Phó TGĐ					01/04/2014	
12.1	Nguyễn Thị Thu Dung		Mẹ					01/04/2014	
12.2	Phạm Thị Hồng Thúy		Vợ					01/04/2014	
12.3	Nguyễn Hồng Minh		Con					01/04/2014	
12.4	Nguyễn Thanh Thùy Tiên		Con					01/04/2014	
12.5	Nguyễn Hồng Lâm		Em					01/04/2014	
12.6	Công ty TNHH MTV Transimex Hi-Tech Park Logistics		Giám đốc					01/10/2014	
12.7	Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc		Giám đốc					10/01/2020	
13	Lê Phúc Tùng		Phó TGĐ					01/04/2018	
13.1	Lê Tấn Quyền		Cha					01/04/2018	
13.2	Lê Thị Nở		Mẹ					01/04/2018	
13.3	Trương Kim Yến		Vợ					01/04/2018	
13.4	Lê Phúc Chính		Con					01/04/2018	
13.5	Lê Kim Ngân (còn nhỏ)		Con					01/04/2018	
13.6	Lê Thị Anh Thy		Em					01/04/2018	

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Tài khoản GDCK	Chức vụ/ quan hệ	CMND/ Passport/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan
				Số ĐKKD					
13.7	Nguyễn Thanh Tùng		Em rể					01/04/2018	
13.8	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MASERCO)		TV HĐQT					12/11/2018	
14	Nguyễn Bảo Trung		Phó TGD					07/01/2020	
14.1	Vũ Thị Ngọc Diệp		Vợ					07/01/2020	
14.2	Nguyễn Bảo An		Con					07/01/2020	
14.3	Nguyễn Bảo Nam		Con					07/01/2020	
14.4	Nguyễn Văn Bảo		Cha					07/01/2020	
14.5	Trịnh Thị Ngọc Diệp		Mẹ					07/01/2020	
14.6	Tạ Phương Mai		Mẹ vợ					07/01/2020	
14.7	Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long		Giám đốc					07/01/2020	
14.8	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MASERCO)		TV HĐQT					07/01/2020	
14.9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương Mại (TRANSCO)		TV HĐQT					07/01/2020	
15	Lê Văn Hùng		Giám đốc Tài chính					01/04/2010	
15.1	Trần Thị Mười		Mẹ					01/04/2010	
15.2	Võ Thị Kim Ngân		Vợ					01/04/2010	
15.3	Lê Trí Dũng		Con					01/04/2010	
15.4	Lê Ngân Hà		Con					01/04/2010	
15.5	Lê Văn Hiến		Anh					01/04/2010	
15.6	Lê Thị Hương		Em					01/04/2010	
15.7	Lê Thị Hường		Em					01/04/2010	
15.8	Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)		TV BKS					01/04/2010	
15.9	Công ty CP Vinafreight		Trưởng BKS					21/04/2017	
15.10	Công ty CP Dịch vụ Bến Thành		CT HĐQT					26/06/2020	
16	Nguyễn Hồng Kim Chi		Kế toán trưởng					01/11/2018	
16.1	Nguyễn Hồng Đức		Cha					01/11/2018	
16.2	Đại Hào		Mẹ					01/11/2018	
16.3	Vũ Huy Thanh		Chồng					01/11/2018	
16.4	Nguyễn Hồng Ngọc Diệp		Em					01/11/2018	
16.5	Nguyễn Đại Hồng Phúc		Em					01/11/2018	
16.6	Nguyễn Đại Hồng Nhung		Em					01/11/2018	
16.7	Nguyễn Đại Hồng Quế		Em					01/11/2018	
16.8	Vũ Gia Trúc		Con					01/11/2018	
16.9	Công ty CP Vinafreight		TV BKS					01/11/2018	
16.10	Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc		Trưởng BKS					10/01/2020	

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Tài khoản GDCK	Chức vụ/ quan hệ	CMND/ Passport/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan
				Số ĐKKD					
16.11	Công ty CP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)		Trưởng BKS					25/06/2020	
17	Nguyễn Thị Thu Huế		Người được ủy quyền CBTT					19/05/2014	
17.1	Trương Thị Điềm		Mẹ					19/05/2014	
17.2	Nguyễn Thị Hoài		Chị					19/05/2014	
17.3	Nguyễn Thị Thu Hương		Chị					19/05/2014	
17.4	Nguyễn Thị Thu Thủy		Em					19/05/2014	
17.5	Nguyễn Trọng Hùng		Em					19/05/2014	
17.6	Trần Huy Thành		Chồng					19/05/2014	

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 07 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Tuấn Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

(Đính kèm theo Báo cáo Tình hình QTCT số 02/BC-HĐQT-TMS-2020)

DS.VI.1

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 30/06/2020:

70.434.542

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Tài khoản GDCK	Chức vụ/ quan hệ	CMND/ Passport/ CCCD Số ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số CP sở hữu TMS 30/06/2020	Tỷ lệ sở hữu TMS 30/06/2020
1	Bùi Tuấn Ngọc		CT HĐQT					462.643	0,66%
1.1	Phùng Thị Quỳnh Yến		Mẹ					-	0,00%
1.2	Nguyễn Thanh Huyền		Vợ					-	0,00%
1.3	Bùi Trần Yên Châu		Con					-	0,00%
1.4	Bùi Ngọc Thạch		Con					-	0,00%
1.5	Bùi Minh Tuấn		Em trai					10.817.145	15,36%
1.6	Hoàng Thị Mỹ Quyên		Em dâu					58.064	0,08%
1.7	Công ty CP Đầu tư Vina		CT HĐQT					5.752.111	8,17%
1.8	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải		Giám đốc					2.225.101	3,16%
1.9	Công ty CP Đầu tư Toàn Việt		CT HĐQT					6.622.354	9,40%
1.10	Công ty CP Vinafreight		PCT HĐQT					-	0,00%
1.11	Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)		PCT HĐQT					-	0,00%
2	Vũ Chinh		TV HĐQT					357.894	0,51%
2.1	Châu Văn Anh		Vợ					-	0,00%
2.2	Vũ Nhật Anh		Con					-	0,00%
2.3	Vũ Anh Hà My		Con					-	0,00%
2.4	Vũ Huy		Anh					-	0,00%
2.5	Vũ Trường		Anh					-	0,00%
2.6	Vũ Thị Ninh		Em					-	0,00%
2.7	Vũ Tinh		Em					-	0,00%
2.8	Vũ Thị Dung		Em					-	0,00%
2.9	Công ty CP Xuất Nhập khẩu Haneco		CT HĐQT					44.744	0,06%
3	Lê Duy Hiệp		PCT HĐQT					323.823	0,46%
3.1	Đỗ Duy Liên		Mẹ					-	0,00%
3.2	Đỗ Thị Việt Hoa		Vợ					-	0,00%
3.3	Lê Duy Nguyệt Linh		Con					-	0,00%
3.4	Lê Duy Nhật Khôi		Con					-	0,00%
3.5	Lê Thái Hỷ		Anh					-	0,00%
3.6	Lê Thị Liên Hoan		Chị					-	0,00%
3.7	Công ty CP Hàng Hải MACS		CT HĐQT					176.828	0,25%
3.8	Công ty CP Vinafreight		TV HĐQT					-	0,00%
3.9	Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)		TV HĐQT					-	0,00%
4	Bùi Minh Tuấn		TV HĐQT					10.817.145	15,36%
4.1	Phùng Thị Quỳnh Yến		Mẹ					-	0,00%
4.2	Hoàng Thị Mỹ Quyên		Vợ					58.064	0,08%

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Tài khoản GDCK	Chức vụ/ quan hệ	CMND/ Passport/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số CP sở hữu TMS 30/06/2020	Tỷ lệ sở hữu TMS 30/06/2020
				Số ĐKKD					
4.3	Bùi Hoàng Tuấn Khang		Con					-	0,00%
4.4	Bùi Tuấn Ngọc		Anh trai					462.643	0,66%
4.5	Nguyễn Thanh Huyền		Chị dâu					-	0,00%
4.6	Công ty CP Đầu tư Vina		Giám đốc					5.752.111	8,17%
4.7	Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)		TV HĐQT					-	0,00%
4.8	Công ty CP In và Thương mại Vina		TV HĐQT					-	0,00%
4.9	Công ty CP Thương mại Phú Nhuận		TV HĐQT					-	0,00%
5	Nguyễn Bích Lân		TV HĐQT					97.539	0,14%
5.1	Lê Thị Ngọc Thu		Vợ					-	0,00%
5.2	Nguyễn Lê Bích Khuê		Con					-	0,00%
5.3	Nguyễn Lê Bích Khôi		Con					-	0,00%
5.4	Nguyễn Bích Quang		Anh					-	0,00%
5.5	Nguyễn Bích Huy		Anh					-	0,00%
5.6	Nguyễn Bích Văn		Em					-	0,00%
5.7	Võ Thị Tuyết Vân		Chị dâu					-	0,00%
5.8	Công ty CP Vinafreight		CT HĐQT kiêm TGĐ					-	0,00%
5.9	Công ty CP Giao nhận Vận tải Miền Trung		CT HĐQT					-	0,00%
5.10	Công ty CP Cảng MIPEC		TV HĐQT					-	0,00%
5.11	Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương		TV HĐQT					-	0,00%
6	Masafumi Inoue		TV HĐQT					-	0,00%
6.1	Masanori Inoue		Cha					-	0,00%
6.2	Seiko Inoue		Mẹ					-	0,00%
6.3	Mie Inoue		Vợ					-	0,00%
6.4	Bunta Inoue		Con					-	0,00%
6.5	Takashi Inoue		Anh					-	0,00%
6.6	Sumio Sugioka		Cha vợ					-	0,00%
6.7	Sachiko Sugioka		Mẹ vợ					-	0,00%
6.8	Takako Machi		Chị vợ					-	0,00%
6.9	Seiichi Sugioka		Em vợ					-	0,00%
6.10	Global Business Department and Management Strategy Department of Ryobi Transport Company, Ryobi Holdings Co., Ltd.		Phó Chủ tịch					-	0,00%
6.11	Ryobi Transport Co., Ltd		Ban cán sự điều hành					-	0,00%
7	Charvanin Bunditkitsada		TV HĐQT					-	0,00%
7.1	Pimolthip Bunditkitsada		Mẹ					-	0,00%
7.2	Saowanee Apiwanopat		Vợ					-	0,00%
7.3	Thicharpat Bunditkitsada		Con gái					-	0,00%

030
C
C
TRA
17

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Tài khoản GDCK	Chức vụ/ quan hệ	CMND/ Passport/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số CP sở hữu TMS 30/06/2020	Tỷ lệ sở hữu TMS 30/06/2020
				Số ĐKKD					
7.4	Watcharanont Bunditkitsada		Con					-	0,00%
7.5	Amrapharn Bunditkitsada		Chị					-	0,00%
7.6	Panada Bunditkitsada		Chị					-	0,00%
7.7	Anusorn Apiwan-opat		Cha vợ					-	0,00%
7.8	Vipa Apiwan-opat		Mẹ vợ					-	0,00%
7.9	Hazardous Substances Logistics Association (HASLA), Bangkok, Thailand		TV BGĐ					-	0,00%
7.10	JWD Infologistics Public Company Limited, Bangkok, Thailand		Giám đốc điều hành					-	0,00%
7.11	JWD Asia Holding Private Company		Giám đốc điều hành và TV HĐQT					5.005.035	7,11%
7.12	Công ty Cổ Phần Prosper Logistics		Đại diện theo ủy quyền					11.843.111	16,81%
8	Lê Thị Ngọc Anh		Trưởng BKS					10.711	0,02%
8.1	Lê Văn Mười		Cha					-	0,00%
8.2	Phạm Thị Liễu		Mẹ					-	0,00%
8.3	Thái Ngọc Anh Phương		Con					-	0,00%
8.4	Thái Ngọc Anh Vũ		Con					-	0,00%
8.5	Lê Văn Nhi		Anh ruột					-	0,00%
8.6	Lê Thị Ngọc Ánh		Em ruột					-	0,00%
8.7	Lê Thị Bạch Tuyết		Em ruột					-	0,00%
8.8	Lê Văn Lộc		Em ruột					-	0,00%
8.9	Nguyễn Thị Lợi		Chị dâu					-	0,00%
8.10	Huỳnh Anh Tuấn		Em rể					-	0,00%
8.11	Công ty CP Vinafreight		Kế toán trưởng					-	0,00%
8.12	Công ty CP Logistics Vinalink		TV BKS					-	0,00%
9	Nguyễn Kim Hậu		TV BKS					38.706	0,05%
9.1	Nguyễn Trung Nghĩa		Cha					-	0,00%
9.2	Đỗ Thị Kim Loan		Mẹ					-	0,00%
9.3	Lê Quốc Thịnh		Chồng					-	0,00%
9.4	Lê Kim Thư		Con					-	0,00%
9.5	Lê Nguyễn Tuệ Minh		Con					-	0,00%
9.6	Nguyễn Thị Kim Phụng		Chị					-	0,00%
9.7	Nguyễn Trọng Nghĩa		Anh rể					-	0,00%
9.8	Nguyễn Trung Nhân		Anh					-	0,00%
9.9	Nguyễn Thị Thúy Hằng		Chị dâu					-	0,00%
9.10	Nguyễn Kim Tuyền		Em					-	0,00%
9.11	Hồ Quốc Cường		Em rể					-	0,00%

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Tài khoản GDCK	Chức vụ/ quan hệ	CMND/ Passport/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số CP sở hữu TMS 30/06/2020	Tỷ lệ sở hữu TMS 30/06/2020
				Số ĐKKD					
9.12	Nguyễn Trọng Đức		Em					-	0,00%
9.13	Công ty CP Thủy Đặc sản		TV BKS					-	0,00%
9.14	Công ty CP Đầu Tư Vina		Kế toán trưởng					5.752.111	8,17%
9.15	Công ty CP In và Thương mại Vina		Kế toán trưởng					-	0,00%
9.16	Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà		TV HĐQT					-	0,00%
10	Phan Phương Tuyền		TV BKS					9.351	0,01%
10.1	Trang Hoàng Trung		Chồng					-	0,00%
10.2	Trang Hoàng Long		Con					-	0,00%
10.3	Trang Hoàng Phúc		Con					-	0,00%
10.4	Phan Ngọc Vân		Chị ruột					-	0,00%
10.5	Phan Thị Ngọc Phượng		Chị ruột					-	0,00%
10.6	Phan Phi Phong		Anh ruột					-	0,00%
10.7	Phan Hùng Phương		Anh ruột					-	0,00%
10.8	Công ty KONOIKE VINA		Kế toán trưởng					-	0,00%
10.9	Công ty CP Vinafreight		TV BKS					-	0,00%
10.10	Công ty CP Logistics Vinalink		Trưởng BKS					-	0,00%
11	Nguyễn Chí Đức		Phó TGĐ					369.922	0,53%
11.1	Nguyễn Thị Lập		Mẹ					-	0,00%
11.2	Dương Minh Nguyệt Tú		Vợ					-	0,00%
11.3	Nguyễn Thành Long		Con					-	0,00%
11.4	Nguyễn Thành Khang		Con					-	0,00%
11.5	Nguyễn Ngọc Phụng Tiên		Con					-	0,00%
11.6	Nguyễn Thị Bích Hương		Chị					-	0,00%
11.7	Nguyễn Chí Hiếu		Em					-	0,00%
11.8	Nguyễn Chí Trung		Em					5	0,00%
11.9	Công ty CP Vận tải Transimex		CT HĐQT					-	0,00%
12	Nguyễn Hồng Sơn		Phó TGĐ					191.750	0,27%
12.1	Nguyễn Thị Thu Dung		Mẹ					-	0,00%
12.2	Phạm Thị Hồng Thúy		Vợ					-	0,00%
12.3	Nguyễn Hồng Minh		Con					-	0,00%
12.4	Nguyễn Thanh Thùy Tiên		Con					-	0,00%
12.5	Nguyễn Hồng Lâm		Em					-	0,00%
12.6	Công ty TNHH MTV Transimex Hi-Tech Park Logistics		Giám đốc					-	0,00%
12.7	Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc		Giám đốc					-	0,00%
13	Lê Phúc Tùng		Phó TGĐ					31.735	0,05%
13.1	Lê Tấn Quyền		Cha					-	0,00%
13.2	Lê Thị Nở		Mẹ					-	0,00%
13.3	Trương Kim Yến		Vợ					-	0,00%
13.4	Lê Phúc Chính		Con					-	0,00%

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Tài khoản GDCK	Chức vụ/ quan hệ	CMND/ Passport/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số CP sở hữu TMS 30/06/2020	Tỷ lệ sở hữu TMS 30/06/2020
				Số ĐKKD					
13.5	Lê Kim Ngân (còn nhỏ)		Con					-	0,00%
13.6	Lê Thị Anh Thy		Em					-	0,00%
13.7	Nguyễn Thanh Tùng		Em rể					-	0,00%
13.8	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MASERCO)		TV HDQT					-	0,00%
14	Nguyễn Bảo Trung		Phó TGD					30.028	0,04%
14.1	Vũ Thị Ngọc Diệp		Vợ					-	0,00%
14.2	Nguyễn Bảo An		Con					-	0,00%
14.3	Nguyễn Bảo Nam		Con					-	0,00%
14.4	Nguyễn Văn Bảo		Cha					-	0,00%
14.5	Trịnh Thị Ngọc Diệp		Mẹ					-	0,00%
14.6	Tạ Phương Mai		Mẹ vợ					-	0,00%
14.7	Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long		Giám đốc					-	0,00%
14.8	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MASERCO)		TV HDQT					-	0,00%
14.9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương Mại (TRANSCO)		TV HDQT					-	0,00%
15	Lê Văn Hùng		Giám đốc Tài chính					37.852	0,05%
15.1	Trần Thị Mười		Mẹ					-	0,00%
15.2	Võ Thị Kim Ngân		Vợ					-	0,00%
15.3	Lê Trí Dũng		Con					-	0,00%
15.4	Lê Ngân Hà		Con					-	0,00%
15.5	Lê Văn Hiến		Anh					-	0,00%
15.6	Lê Thị Hương		Em					-	0,00%
15.7	Lê Thị Hường		Em					-	0,00%
15.8	Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)		TV BKS					-	0,00%
15.9	Công ty CP Vinafreight		Trưởng BKS					-	0,00%
15.10	Công ty CP Dịch vụ Bến Thành		CT HDQT					-	0,00%
16	Nguyễn Hồng Kim Chi		Kế toán trưởng					78.768	0,11%
16.1	Nguyễn Hồng Đức		Cha					-	0,00%
16.2	Đại Hào		Mẹ					-	0,00%
16.3	Vũ Huy Thạnh		Chồng					-	0,00%
16.4	Nguyễn Hồng Ngọc Diệp		Em					-	0,00%
16.5	Nguyễn Đại Hồng Phúc		Em					-	0,00%
16.6	Nguyễn Đại Hồng Nhung		Em					-	0,00%
16.7	Nguyễn Đại Hồng Quế		Em					-	0,00%
16.8	Vũ Gia Trúc		Con					-	0,00%
16.9	Công ty CP Vinafreight		TV BKS					-	0,00%
16.10	Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc		Trưởng BKS					-	0,00%

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Tài khoản GDCK	Chức vụ/ quan hệ	CMND/ Passport/ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số CP sở hữu TMS 30/06/2020	Tỷ lệ sở hữu TMS 30/06/2020
				Số ĐKKD					
16.11	Công ty CP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)		Trưởng BKS					-	0,00%
17	Nguyễn Thị Thu Huế		Người được ủy quyền CBTT					19.225	0,03%
17.1	Trương Thị Diễm		Mẹ					-	0,00%
17.2	Nguyễn Thị Hoài		Chị					-	0,00%
17.3	Nguyễn Thị Thu Hương		Chị					-	0,00%
17.4	Nguyễn Thị Thu Thủy		Em					-	0,00%
17.5	Nguyễn Trọng Hùng		Em					-	0,00%
17.6	Trần Huy Thành		Chồng					-	0,00%

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 07 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Tuấn Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX
GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

DS VI.2

(Đính kèm theo Báo cáo Tình hình QTCT số 01/BC-HĐQT-TMS-2020)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 30/06/2020:

70.434.542

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 01/01/2020:

54.869.138

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ quan hệ với người nội bộ	01/01/2020		30/06/2020		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số CP sở hữu TMS	Tỷ lệ sở hữu TMS	Số CP sở hữu TMS	Tỷ lệ sở hữu TMS	
1	Bùi Tuấn Ngọc	CT HĐQT	402.299	0,73%	462.643	0,66%	Cổ tức
1.1	Phùng Thị Quỳnh Yên	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
1.2	Nguyễn Thanh Huyền	Vợ	-	0,00%	-	0,00%	
1.3	Bùi Trần Yên Châu	Con	-	0,00%	-	0,00%	
1.4	Bùi Ngọc Thạch	Con	-	0,00%	-	0,00%	
1.5	Bùi Minh Tuấn	Em trai	7.838.797	14,29%	10.817.145	15,36%	Cổ tức, mua, chuyển đổi
1.6	Hoàng Thị Mỹ Quyên	Em dâu	35.647	0,06%	58.064	0,08%	Cổ tức, mua, chuyển đổi
1.7	Công ty CP Đầu tư Vina	CT HĐQT	4.445.710	8,10%	5.752.111	8,17%	Cổ tức, chuyển đổi
1.8	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	Giám đốc	1.209.210	2,20%	2.225.101	3,16%	Cổ tức, chuyển đổi
1.9	Công ty CP Đầu tư Toàn Việt	CT HĐQT	6.269.378	11,43%	6.622.354	9,40%	Cổ tức, bán
1.10	Công ty CP Vinafreight	PCT HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
1.11	Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)	PCT HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
2	Vũ Chinh	TV HĐQT	277.201	0,51%	357.894	0,51%	Cổ tức, chuyển đổi
2.1	Châu Văn Anh	Vợ	-	0,00%	-	0,00%	
2.2	Vũ Nhật Anh	Con	-	0,00%	-	0,00%	
2.3	Vũ Anh Hà My	Con	-	0,00%	-	0,00%	
2.4	Vũ Huy	Anh	-	0,00%	-	0,00%	
2.5	Vũ Trường	Anh	-	0,00%	-	0,00%	
2.6	Vũ Thị Ninh	Em	-	0,00%	-	0,00%	
2.7	Vũ Tinh	Em	-	0,00%	-	0,00%	
2.8	Vũ Thị Dung	Em	-	0,00%	-	0,00%	
2.9	Công ty CP Xuất Nhập khẩu Haneco	CT HĐQT	34.583	0,06%	44.744	0,06%	Cổ tức, chuyển đổi
3	Lê Duy Hiệp	PCT HĐQT	234.155	0,43%	323.823	0,46%	Cổ tức, chuyển đổi
3.1	Đỗ Duy Liên	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
3.2	Đỗ Thị Việt Hoa	Vợ	-	0,00%	-	0,00%	
3.3	Lê Duy Nguyệt Linh	Con	-	0,00%	-	0,00%	
3.4	Lê Duy Nhật Khôi	Con	-	0,00%	-	0,00%	
3.5	Lê Thái Hỷ	Anh	-	0,00%	-	0,00%	
3.6	Lê Thị Liên Hoan	Chị	-	0,00%	-	0,00%	
3.7	Công ty CP Hàng Hải MACS	CT HĐQT	134.636	0,25%	176.828	0,25%	Cổ tức, chuyển đổi
3.8	Công ty CP Vinafreight	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
3.9	Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
4	Bùi Minh Tuấn	TV HĐQT	7.838.797	14,29%	10.817.145	15,36%	Cổ tức, mua, chuyển đổi
4.1	Phùng Thị Quỳnh Yên	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
4.2	Hoàng Thị Mỹ Quyên	Vợ	35.647	0,06%	58.064	0,08%	Cổ tức, mua, chuyển đổi
4.3	Bùi Hoàng Tuấn Khang	Con	-	0,00%	-	0,00%	
4.4	Bùi Tuấn Ngọc	Anh trai	402.299	0,73%	462.643	0,66%	Cổ tức
4.5	Nguyễn Thanh Huyền	Chị dâu	-	0,00%	-	0,00%	
4.6	Công ty CP Đầu tư Vina	Giám đốc	4.445.710	8,10%	5.752.111	8,17%	Cổ tức, chuyển đổi
4.7	Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
4.8	Công ty CP In và Thương mại Vina	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
4.9	Công ty CP Thương mại Phú Nhuận	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
5	Nguyễn Bích Lân	TV HĐQT	46.076	0,08%	97.539	0,14%	Cổ tức, chuyển đổi
5.1	Lê Thị Ngọc Thư	Vợ	-	0,00%	-	0,00%	
5.2	Nguyễn Lê Bích Khuê	Con	-	0,00%	-	0,00%	
5.3	Nguyễn Lê Bích Khôi	Con	-	0,00%	-	0,00%	

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu TMS	Tỷ lệ sở hữu TMS	Số CP sở hữu TMS	Tỷ lệ sở hữu TMS	Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
5.4	Nguyễn Bích Quang	Anh	-	0,00%	-	0,00%	
5.5	Nguyễn Bích Huy	Anh	-	0,00%	-	0,00%	
5.6	Nguyễn Bích Văn	Em	-	0,00%	-	0,00%	
5.7	Võ Thị Tuyết Vân	Chị dâu	-	0,00%	-	0,00%	
5.8	Công ty CP Vinafreight	CT HĐQT kiêm TGD	-	0,00%	-	0,00%	
5.9	Công ty CP Giao nhận Vận tải Miền Trung	CT HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
5.10	Công ty CP Cảng MIPEC	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
5.11	Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
6	Masafumi Inoue	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
6.1	Masanori Inoue	Cha	-	0,00%	-	0,00%	
6.2	Seiko Inoue	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
6.3	Mie Inoue	Vợ	-	0,00%	-	0,00%	
6.4	Bunta Inoue	Con	-	0,00%	-	0,00%	
6.5	Takashi Inoue	Anh	-	0,00%	-	0,00%	
6.6	Sumio Sugioka	Cha vợ	-	0,00%	-	0,00%	
6.7	Sachiko Sugioka	Mẹ vợ	-	0,00%	-	0,00%	
6.8	Takako Machi	Chị vợ	-	0,00%	-	0,00%	
6.9	Seiichi Sugioka	Em vợ	-	0,00%	-	0,00%	
6.10	Global Business Department and Management Strategy Department of Ryobi Transport Company, Ryobi Holdings Co., Ltd.	Phó Chủ tịch	-	0,00%	-	0,00%	
6.11	Ryobi Transport Co., Ltd	Ban cán sự điều hành	-	0,00%	-	0,00%	
7	Charvanin Bunditkitsada	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
7.1	Pimolthip Bunditkitsada	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
7.2	Saowanee Apiwanopat	Vợ	-	0,00%	-	0,00%	
7.3	Thicharpat Bunditkitsada	Con gái	-	0,00%	-	0,00%	
7.4	Watcharanont Bunditkitsada	Con	-	0,00%	-	0,00%	
7.5	Amrapharn Bunditkitsada	Chị	-	0,00%	-	0,00%	
7.6	Panada Bunditkitsada	Chị	-	0,00%	-	0,00%	
7.7	Anusorn Apiwan-opat	Cha vợ	-	0,00%	-	0,00%	
7.8	Vipa Apiwan-opat	Mẹ vợ	-	0,00%	-	0,00%	
7.9	Hazardous Substances Logistics Association (HASLA), Bangkok, Thailand	TV BGĐ	-	0,00%	-	0,00%	
7.10	JWD Infologistics Public Company Limited, Bangkok, Thailand	Giám đốc điều hành	-	0,00%	-	0,00%	
7.11	JWD Asia Holding Private Company	Giám đốc điều hành và TV HĐQT	4.352.205	7,93%	5.005.035	7,11%	Cổ tức
7.12	Công ty Cổ Phần Prosper Logistics	Đại diện theo ủy quyền	9.242.454	16,84%	11.843.111	16,81%	Cổ tức, chuyển đổi
8	Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	6.938	0,01%	10.711	0,02%	Cổ tức, Chuyển đổi
8.1	Lê Văn Mười	Cha	-	0,00%	-	0,00%	
8.2	Phạm Thị Liễu	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
8.3	Thái Ngọc Anh Phương	Con	-	0,00%	-	0,00%	
8.4	Thái Ngọc Anh Vũ	Con	-	0,00%	-	0,00%	
8.5	Lê Văn Nhi	Anh ruột	-	0,00%	-	0,00%	
8.6	Lê Thị Ngọc Ánh	Em ruột	-	0,00%	-	0,00%	
8.7	Lê Thị Bạch Tuyết	Em ruột	-	0,00%	-	0,00%	
8.8	Lê Văn Lộc	Em ruột	-	0,00%	-	0,00%	
8.9	Nguyễn Thị Lợi	Chị dâu	-	0,00%	-	0,00%	
8.10	Huỳnh Anh Tuấn	Em rể	-	0,00%	-	0,00%	
8.11	Công ty CP Vinafreight	Kế toán trưởng	-	0,00%	-	0,00%	
8.12	Công ty CP Logistics Vinalink	TV BKS	-	0,00%	-	0,00%	

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu TMS	Tỷ lệ sở hữu TMS	Số CP sở hữu TMS	Tỷ lệ sở hữu TMS	Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
9	Nguyễn Kim Hậu	TV BKS	19.436	0,04%	38.706	0,05%	Cổ tức, Chuyển đổi
9.1	Nguyễn Trung Nghĩa	Cha	-	0,00%	-	0,00%	
9.2	Đỗ Thị Kim Loan	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
9.3	Lê Quốc Thịnh	Chồng	-	0,00%	-	0,00%	
9.4	Lê Kim Thư	Con	-	0,00%	-	0,00%	
9.5	Lê Nguyễn Tuệ Minh	Con	-	0,00%	-	0,00%	
9.6	Nguyễn Thị Kim Phụng	Chị	-	0,00%	-	0,00%	
9.7	Nguyễn Trọng Nghĩa	Anh rể	-	0,00%	-	0,00%	
9.8	Nguyễn Trung Nhân	Anh	-	0,00%	-	0,00%	
9.9	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Chị dâu	-	0,00%	-	0,00%	
9.10	Nguyễn Kim Tuyền	Em	-	0,00%	-	0,00%	
9.11	Hồ Quốc Cường	Em rể	-	0,00%	-	0,00%	
9.12	Nguyễn Trọng Đức	Em	-	0,00%	-	0,00%	
9.13	Công ty CP Thủy Đặc sản	TV BKS	-	0,00%	-	0,00%	
9.14	Công ty CP Đầu Tư Vina	Kế toán trưởng	4.445.710	8,10%	5.752.111	8,17%	Cổ tức, Chuyển đổi
9.15	Công ty CP In và Thương mại Vina	Kế toán trưởng	-	0,00%	-	0,00%	
9.16	Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
10	Phan Phương Tuyền	TV BKS	5.755	0,01%	9.351	0,01%	Cổ tức, Chuyển đổi
10.1	Trang Hoàng Trung	Chồng	-	0,00%	-	0,00%	
10.2	Trang Hoàng Long	Con	-	0,00%	-	0,00%	
10.3	Trang Hoàng Phúc	Con	-	0,00%	-	0,00%	
10.4	Phan Ngọc Vân	Chị ruột	-	0,00%	-	0,00%	
10.5	Phan Thị Ngọc Phượng	Chị ruột	-	0,00%	-	0,00%	
10.6	Phan Phi Phong	Anh ruột	-	0,00%	-	0,00%	
10.7	Phan Hùng Phương	Anh ruột	-	0,00%	-	0,00%	
10.8	Công ty KONOIKE VINA	Kế toán trưởng	-	0,00%	-	0,00%	
10.9	Công ty CP Vinafreight	TV BKS	-	0,00%	-	0,00%	
10.10	Công ty CP Logistics Vinalink	Trưởng BKS	15.000	0,03%	-	0,00%	Bán
11	Nguyễn Chí Đức	Phó TGD	286.467	0,52%	369.922	0,53%	Cổ tức, chuyển đổi
11.1	Nguyễn Thị Lập	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
11.2	Dương Minh Nguyệt Tú	Vợ	-	0,00%	-	0,00%	
11.3	Nguyễn Thành Long	Con	-	0,00%	-	0,00%	
11.4	Nguyễn Thành Khang	Con	-	0,00%	-	0,00%	
11.5	Nguyễn Ngọc Phụng Tiên	Con	-	0,00%	-	0,00%	
11.6	Nguyễn Thị Bích Hương	Chị	-	0,00%	-	0,00%	
11.7	Nguyễn Chí Hiếu	Em	-	0,00%	-	0,00%	
11.8	Nguyễn Chí Trung	Em	5	0,00%	5	0,00%	
11.9	Công ty CP Vận tải Transimex	CT HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
12	Nguyễn Hồng Sơn	Phó TGD	113.187	0,21%	191.750	0,27%	Cổ tức, chuyển đổi
12.1	Nguyễn Thị Thu Dung	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
12.2	Phạm Thị Hồng Thúy	Vợ	-	0,00%	-	0,00%	
12.3	Nguyễn Hồng Minh	Con	-	0,00%	-	0,00%	
12.4	Nguyễn Thanh Thủy Tiên	Con	-	0,00%	-	0,00%	
12.5	Nguyễn Hồng Lâm	Em	-	0,00%	-	0,00%	
12.6	Công ty TNHH MTV Transimex Hi-Tech Park Logistics	Giám đốc	-	0,00%	-	0,00%	
12.7	Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc	Giám đốc	-	0,00%	-	0,00%	
13	Lê Phúc Tùng	Phó TGD	24.730	0,05%	31.735	0,05%	Cổ tức, chuyển đổi
13.1	Lê Tấn Quyền	Cha	-	0,00%	-	0,00%	
13.2	Lê Thị Nở	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
13.3	Trương Kim Yến	Vợ	-	0,00%	-	0,00%	
13.4	Lê Phúc Chinh	Con	-	0,00%	-	0,00%	
13.5	Lê Kim Ngân (còn nhỏ)	Con	-	0,00%	-	0,00%	
13.6	Lê Thị Anh Thy	Em	-	0,00%	-	0,00%	
13.7	Nguyễn Thanh Tùng	Em rể	-	0,00%	-	0,00%	
13.8	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MASERCO)	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	

1425
G TY
HÀN
TIME
HỒ CH

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu TMS	Tỷ lệ sở hữu TMS	Số CP sở hữu TMS	Tỷ lệ sở hữu TMS	Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
14	Nguyễn Bảo Trung	Phó TGD	24.924	0,05%	30.028	0,04%	Cổ tức, chuyển đổi
14.1	Vũ Thị Ngọc Diệp	Vợ	-	0,00%	-	0,00%	
14.2	Nguyễn Bảo An	Con	-	0,00%	-	0,00%	
14.3	Nguyễn Bảo Nam	Con	-	0,00%	-	0,00%	
14.4	Nguyễn Văn Bảo	Cha	-	0,00%	-	0,00%	
14.5	Trịnh Thị Ngọc Diệp	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
14.6	Tạ Phương Mai	Mẹ vợ	-	0,00%	-	0,00%	
14.7	Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	Giám đốc	-	0,00%	-	0,00%	
14.8	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MASERCO)	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
14.9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương Mại (TRANSCO)	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
15	Lê Văn Hùng	Giám đốc Tài chính	28.423	0,05%	37.852	0,05%	Cổ tức, chuyển đổi
15.1	Trần Thị Mười	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
15.2	Võ Thị Kim Ngân	Vợ	-	0,00%	-	0,00%	
15.3	Lê Trí Dũng	Con	-	0,00%	-	0,00%	
15.4	Lê Ngân Hà	Con	-	0,00%	-	0,00%	
15.5	Lê Văn Hiến	Anh	-	0,00%	-	0,00%	
15.6	Lê Thị Hương	Em	-	0,00%	-	0,00%	
15.7	Lê Thị Hường	Em	-	0,00%	-	0,00%	
15.8	Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)	TV BKS	-	0,00%	-	0,00%	
15.9	Công ty CP Vinafreight	Trưởng BKS	-	0,00%	-	0,00%	
15.10	Công ty CP Dịch vụ Bến Thành	CT HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
16	Nguyễn Hồng Kim Chi	Kế toán trưởng	45.102	0,08%	78.768	0,11%	Cổ tức, chuyển đổi
16.1	Nguyễn Hồng Đức	Cha	-	0,00%	-	0,00%	
16.2	Đại Hào	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
16.3	Vũ Huy Thanh	Chồng	-	0,00%	-	0,00%	
16.4	Nguyễn Hồng Ngọc Diệp	Em	-	0,00%	-	0,00%	
16.5	Nguyễn Đại Hồng Phúc	Em	-	0,00%	-	0,00%	
16.6	Nguyễn Đại Hồng Nhung	Em	-	0,00%	-	0,00%	
16.7	Nguyễn Đại Hồng Quế	Em	-	0,00%	-	0,00%	
16.8	Vũ Gia Trúc	Con	-	0,00%	-	0,00%	
16.9	Công ty CP Vinafreight	TV BKS	-	0,00%	-	0,00%	
16.10	Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc	Trưởng BKS	-	0,00%	-	0,00%	
16.11	Công ty CP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Trưởng BKS	-	0,00%	-	0,00%	
17	Nguyễn Thị Thu Huế	Người được ủy quyền CBTT	11.172	0,02%	19.225	0,03%	Cổ tức, chuyển đổi
17.1	Trương Thị Diễm	Mẹ	-	0,00%	-	0,00%	
17.2	Nguyễn Thị Hoài	Chị	-	0,00%	-	0,00%	
17.3	Nguyễn Thị Thu Hương	Chị	-	0,00%	-	0,00%	
17.4	Nguyễn Thị Thu Thủy	Em	-	0,00%	-	0,00%	
17.5	Nguyễn Trọng Hùng	Em	-	0,00%	-	0,00%	
17.6	Trần Huy Thành	Chồng	-	0,00%	-	0,00%	

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 07 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Tuấn Ngọc